TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2018

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung.

2. Ông Ksor Thiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 44 P, phường Đ, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Đinh Thị D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trước khi cưới nhau hai người có thời gian tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau,

không bị lừa dối, ép buộc. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm dẫn đến kình cãi, xúc phạm lẫn nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay, không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Anh T thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Đinh Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 24/12/2012. Cháu H hiện đang sống với chị D nên sau khi ly hôn anh T yêu cầu để chị D được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 1.300.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh Trần Ngọc T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về phía bị đơn chị Đinh Thị D: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn là chị Đinh Thị D đã được Tòa án tống đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu làm việc, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Dịu vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại các Đơn xin đề nghị ngày 10/11/2017 và ngày 27/12/2017 bị đơn chị Đinh Thị D trình bày: Giữa chị và anh Trần Ngọc T cưới nhau đã hơn 5 năm, sau khi sinh con được 06 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T bỏ đi làm ăn, không quan tâm gì đến hai mẹ con chị nữa. Nay anh T có đơn xin ly hôn thì chị D cũng đồng ý và yêu cầu được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 05 năm vừa qua vì lý do anh T không có trách nhiệm nuôi con. Về tài sản chung, chị D không có ý kiến và yêu cầu gì.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng như mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ và các thủ tục khác được thực hiện theo quy định, thời hạn xét xử vụ án được đảm bảo. Thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo theo đúng quy định, xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn từ chối không tham gia tố tụng.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa anh Trần Ngọc T và chị Đinh Thị D là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T. Về hôn nhân, xử cho anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Đinh Thị D. Về con chung, giao con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 24/12/2012 cho chị Đinh Thị D tiếp tục trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Trần Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.300.000 đồng. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến. Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đinh Thị D có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại tổ dân phố 3, phường Đ, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa. Bị đơn chị Đinh Thị D đã được Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Đinh Thị D.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Đinh Thị D kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh T và chị D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra bất đồng, cãi nhau, thể hiện qua việc hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 đến nay, không còn tôn trọng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Hiện cả anh T và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T có yêu cầu ly hôn, chị D cũng đồng ý. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 30/10/2017, bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của chị Đinh Thị D cũng cho biết, cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị D không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2014 đến nay, cũng từ khi sống ly thân anh T ít qua lại hỏi thăm hai mẹ con chị D. Xét thấy, giữa anh T và chị D sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thương, xử cho anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Đinh Thị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trần Ngọc T và chị Đinh Thị D có 01 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 24/12/2012. Cháu H hiện đang sống với chị D nên sau khi ly hôn anh T yêu cầu giao cháu H cho chị D tiếp tục nuôi con, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.300.000 đồng. Xét thấy, hiện nay cháu H còn nhỏ và đang sống với chị D, sau khi ly hôn anh T yêu cầu giao cháu H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chị D cũng đồng ý và không có ý kiến phản đối gì. Do đó, cần giao cháu H cho chị D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị Đinh Thị D yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị D không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể. Xét thấy, hiện nay cháu Trần Minh H còn nhỏ cần phải được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và học hành nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng cụ thể phải căn cứ vào khả năng và thu nhập thực tế của người phải cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay anh T làm nghề tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, mức thu nhập phổ thông bình quân hàng tháng từ giao động 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Do đó, để vừa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, vừa đảm bảo cho cuộc sống và sinh hoạt bình thường của anh T, Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng 1.300.000 đồng/tháng là phù hợp nên cần buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.300.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 05/01/2018 cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, chị Đinh Thị D là người nhận tiền cấp dưỡng để nuôi con.

[5] Đối với yêu cầu của chị Đinh Thị D về việc yêu cầu anh Trần Ngọc T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 05 năm vừa qua vì lý do anh T không có trách nhiệm nuôi con. Xét thấy, trong thời gian qua quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T vẫn tồn tại, hai người vẫn là vợ chồng nên phải cùng có trách nhiệm nuôi con, tại phiên tòa anh T cho biết tuy sống ly thân nhưng anh vẫn thường qua lại thăm nom con và cho cháu tiền. Chị D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc anh T đã vi phạm nghĩa vụ nuôi con nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc T và chị Đinh Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí: Anh Trần Ngọc T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Đinh Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 24/12/2012 cho chị Đinh Thị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi chưa thành

niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Ngọc T phải cấp dưỡng cho con là Trần Minh H (sinh ngày 24/12/2012) mỗi tháng 1.300.000 đồng.

Anh Trần Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nêu trên kể từ ngày 05/01/2018 cho đến khi cháu Trần Minh H thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Đinh Thị D được nhận khoản tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nêu trên để nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng số tiền án phí sơ thẩm anh T phải chịu là 600.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001814, ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Anh Trần Ngọc T còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Bị đơn chị Đinh Thị D vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

Lê Đình Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Ksor Thiên **Nguyễn Văn Trung** **Lê Đình Nam**